

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
DU LỊCH ĐÀ LẠT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	6 – 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	8 – 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 25
PHỤ LỤC SỐ 1 : THUYẾT MINH CHI TIẾT LÃI TIỀN GỬI NGÂN HÀNG	26 – 28

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du Lịch Đà Lạt (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt được thành lập theo Quyết định số 4232/QĐ-UB ngày 09 tháng 12 năm 2004 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng phê duyệt về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà Nước Công ty Dịch Vụ Du Lịch Đà Lạt thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4203000055 ngày 20 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp.

- Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là 11.000.000.000 VND (Mười một tỉ đồng)

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có những lần điều chỉnh Giấy phép như sau:

- + Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi người Đại diện pháp luật của Công ty và tăng vốn điều lệ như sau:
 - Người đại diện pháp luật Ông Nguyễn Thanh Tâm thay Ông Nguyễn Ngọc Chương
 - Tăng vốn điều lệ từ 11.000.000.000 VND lên 54.500.000.000 VND
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 05 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 54.500.000.000 VND lên 104.500.000.000 VND.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 05 năm 2008, chuẩn y việc thay đổi tên viết tắt của Công ty là DALAT TSC.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 09 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh Xây dựng kinh doanh lĩnh vực thủy điện.

- Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3 822 017 – 3 833 611 – 3 826 027

Fax : (063) 3 833 956

Mã số thuế : 5 8 0 0 1 9 4 4 5 9

- Tên và địa chỉ chi nhánh

<u>STT</u>	<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Đà Lạt (*)	Số 525, quốc lộ 20, khu phố 4, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng.
2	Trung tâm lễ hành	Số 74, Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

(*) Chi nhánh này thực tế chưa đi vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Tên và địa chỉ các đơn vị trực thuộc

<u>STT</u>	<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Khách sạn Anh Đào	Số 50 - 52, khu Hòa Bình, Tp. Đà Lạt.
2	Khách sạn Cẩm Đô	Số 81, Phan Đình Phùng, Tp. Đà Lạt
3	Khách sạn Lâm Sơn	Số 5, Hải Thượng, Tp. Đà Lạt
4	Khách sạn Mimosa	Số 170, Phan Đình Phùng, Tp. Đà Lạt
5	Khách sạn Thanh Thế	Số 118, Phan Đình Phùng, Tp. Đà Lạt
6	Khách sạn Phú Hòa	Số 16, Tăng Bạt Hổ, Tp. Đà Lạt
7	Khách sạn Hòa Bình	Số 07, Trương Công Định, Tp. Đà Lạt
8	Khách sạn Thanh Bình	Số 40-4, Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. Đà Lạt
9	Khách sạn Thủy Tiên	Số 07, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Tp. Đà Lạt
10	Khu du lịch Bobla - Liliang	Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
11	Khu du lịch Cam Ly	Số 90, Hoàng Văn Thụ, Tp. Đà Lạt
12	Khu du lịch Prenn	Chân đèo Prenn, khu phố 8, Phường 3, T Đà Lạt
13	Thương xá Latulipe	Số 01, Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. Đà Lạt

• Hoạt động chính của Công ty

- + Dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống;
- + Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành Quốc tế;
- + Hướng dẫn du lịch, các dịch vụ khác;
- + Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hàng hóa;
- + Mua, bán hàng hóa, mua bán thuốc lá nội, rượu và các loại;
- + Đại lý tiêu thụ xe gắn máy;
- + Kinh doanh gas, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- + Kinh doanh massage, karaoke, đồ uống, rượu bia;
- + Xây dựng công trình: dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, điện (chủ yếu mạng hạ thế);
- + San lấp mặt bằng, trang trí nội ngoại thất;
- + Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- + Dịch vụ xuất khẩu lao động và du học tự túc, dịch vụ vé máy bay, dịch vụ chụp ảnh màu, mua bán thiết bị chụp ảnh, ngành ảnh;
- + Chế biến nông sản, thực phẩm, khai thác khoáng sản (cát, đá, sỏi);
- + Xây dựng kinh doanh lĩnh vực thủy điện

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Chủ Tịch
Ông Nguyễn Ngọc Chương	Phó Chủ Tịch
Bà Trần Thị Thanh Hoa	Ủy viên
Ông Vũ Văn Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Ủy Viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Chương	Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Hoa	Phó Giám đốc.
Ông Vũ Văn Minh	Phó Giám đốc

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 08 đến trang 25).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo bổ sung này, Hội đồng quản trị Công ty đã công bố việc chia cổ tức năm 2009 theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2010 ngày 29 tháng 01 năm 2010.

Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 09 năm 2009 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



NGUYỄN NGỌC CHƯƠNG - Giám đốc

Thành Phố Đà Lạt, ngày 06 tháng 04 năm 2010

Số: 0244/2010/BCTC-KTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 06 tháng 04 năm 2010, từ trang 08 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Báo cáo được lập, không thể tách rời với Báo cáo của kiểm toán viên số 2241/2009/BCTC-KTTV phát hành ngày 16 tháng 12 năm 2009. Báo cáo này được lập theo Công văn số 903/UBCK-QLPH ngày 01 tháng 04 năm 2010 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Một số chỉ tiêu trên Bảng Cân Đối Kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày lại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót". (Xem thuyết minh VII.1)

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (tiếp theo)

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ lưu ý với người đọc Báo cáo này rằng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4203000055 khoản vốn điều lệ đã đăng ký là 104.500.000.000 VND nhưng đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này số vốn góp trên chưa được thực hiện đủ. Tùy thuộc vào sự nhìn nhận của các bên liên quan, quyền và nghĩa vụ của cổ đông sẽ thay đổi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2010



VÕ THẾ HOÀNG – Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

VÕ THỊ THU HƯƠNG - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.353.902.910	42.102.998.261
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	16.405.537.479	1.274.769.483
1. Tiền	111		3.439.301.279	1.274.769.483
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.966.236.200	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.361.960.256	34.991.915.300
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	20.361.960.256	34.991.915.300
III. Các khoản phải thu	130		2.327.511.709	4.565.375.925
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	1.573.035.775	3.363.863.574
2. Trả trước cho người bán	132	VI.4	281.985.596	476.258.253
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.5	472.490.338	725.254.098
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		689.809.610	648.994.638
1. Hàng tồn kho	141	VI.6	689.809.610	688.410.920
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(39.416.282)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		569.083.856	621.942.915
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	305.298.331	81.957.048
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		63.372.634	-
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154	VI.8	303.976	320.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.9	200.108.915	219.985.867
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.163.919.608	35.509.553.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		48.816.270.608	34.260.840.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.10	23.075.267.971	22.315.775.479
- Nguyên giá	222		38.131.527.863	35.399.568.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.056.259.892)	(13.083.792.990)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.11	5.250.115.000	-
- Nguyên giá	228		5.250.115.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	20.490.887.637	11.945.064.998
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.347.649.000	1.248.712.838
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13	1.061.787.000	962.850.838
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14	285.862.000	285.862.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		90.517.822.518	77.612.551.576

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		19.249.458.351	11.296.059.109
I. Nợ ngắn hạn	310		14.116.761.152	6.728.824.110
1. Phải trả cho người bán	312	VI.15	6.980.660.820	634.346.729
2. Người mua trả tiền trước	313		1.000	2.418.672
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.16	300.678.839	223.983.319
4. Phải trả công nhân viên	315	VI.17	926.377.118	1.049.608.810
5. Chi phí phải trả	316	VI.18	121.481.008	392.686.968
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.19	5.781.368.657	4.408.243.012
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		6.193.710	17.536.600
II. Nợ dài hạn	330		5.132.697.199	4.567.234.999
Phải trả dài hạn khác	333	VI.20	5.132.697.199	4.567.234.999
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		71.268.364.167	66.316.492.467
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.21	70.916.029.273	66.360.237.399
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.500.000.000	54.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.785.000.000	4.785.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.848.088.441	2.150.865.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		463.586.782	249.221.869
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.319.354.050	4.675.150.530
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		352.334.894	(43.744.932)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		352.334.894	(43.744.932)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		90.517.822.518	77.612.551.576

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHI TIẾT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		307.734.483	275.638.175
Ngoại tệ các loại		2.254,00	11.555,00
USD		2.254,00	11.555,00

Thành Phố Đà Lạt, ngày 14 tháng 10 năm 2009



NGUYỄN NGỌC CHUƠNG
Giám đốc

NGUYỄN VINH BẢO
Quyền Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2009

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

(Có so sánh với số liệu năm trước)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		32.331.364.146	49.312.974.576
2. Các khoản giảm trừ	03		153.821.749	238.989.965
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	32.177.542.397	49.073.984.611
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	24.281.611.386	41.705.723.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.895.931.011	7.368.260.737
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	2.181.738.274	4.917.169.777
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	1.311.610	46.121.200
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5	4.629.209.802	7.086.954.089
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.447.147.873	5.152.355.225
11. Thu nhập khác	31	VII.6	69.577.564	864.896.952
12. Chi phí khác	32	VII.7	44.147.329	585.775.290
13. Lợi nhuận khác	40		25.430.235	279.121.662
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		5.472.578.108	5.431.476.887
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.8	488.056.408	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		4.984.521.700	5.431.476.887
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		914,59	996,60

Thành Phố Đà Lạt, ngày 14 tháng 10 năm 2009



NGUYỄN NGỌC CHUÔNG

Giám đốc

NGUYỄN VINH BẢO

Quyền Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		25.207.119.748	37.462.610.991
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(15.507.443.916)	(24.607.627.428)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.518.753.212)	(5.263.704.109)
- Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.836.573.041	14.680.709.091
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.744.171.717)	(13.914.283.847)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.273.323.944	8.357.704.698
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.665.680.949)	(10.598.317.510)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		16.109.091	704.843.037
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.330.000.000)	(127.314.583.300)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.643.748.606	124.942.934.536
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.189.339.360	2.115.781.033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.853.516.108	(10.149.342.204)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.126.840.052	(1.791.637.506)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.274.769.483	3.074.442.258
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.927.944	(8.035.269)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	16.405.537.479	1.274.769.483

Thanh Phố Đà Lạt, ngày 14 tháng 10 năm 2009

NGUYỄN NGỌC CHUÔNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VINH BẢO
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009 của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Đà Lạt (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ du lịch.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Đại hội đồng Cổ đông năm 2008 ngày 06 tháng 04 năm 2009 quyết định chuyển niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước kết thúc 30 tháng 09 năm sau.

Năm tài chính bắt đầu ngày 01 tháng 01 năm 2009 và kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009 là năm tài chính thứ 05 của Công ty và là năm đầu tiên Công ty đổi niên độ kế toán.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2008 là : 16.977 VND/USD

Ngày 30/09/2009 là : 16.991 VND/USD

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo này được trình bày lại theo Công văn số 903/UBCK-QLPH ngày 01 tháng 04 năm 2010 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2009 được trình bày lại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”. (Xem thuyết minh VII.1)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn dưới 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên

Phương pháp đánh giá: Bình quân gia quyền

4. Nguyên tắc dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được lập dự phòng giảm giá theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết để tiêu thụ chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 08
Cây lâu năm	6 - 40

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

8. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng có thời gian sử dụng dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn gồm các khoản công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng và chi phí sửa chữa phân bổ tối đa không quá 8 năm

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo điều lệ của Công ty:

- | | |
|-----------------------------|--|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% |
| • Quỹ dự phòng tài chính | 5% |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 10% |

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm và giảm 50% cho 2 năm tiếp theo kể từ khi doanh nghiệp có lãi.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009 là năm thứ ba Công ty kinh doanh có lãi và là năm đầu tiên được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty được miễn 30% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	272.657.881	351.689.057
(b) Tiền gửi Ngân hàng	3.166.643.398	923.080.426
– Ngân hàng NN & PT Nông thôn- VND	2.764.481.629	439.530.492
– Ngân hàng Đầu tư và phát triển Lâm Đồng – VND	191.195.404	49.446.720
– Ngân hàng Sài Gòn thương tín Đà Lạt –VND	58.152.713	221.540.012
– Ngân hàng Sài Gòn thương tín Tp.Hồ Chí Minh - VND	149.811.134	202.438.995
– Ngân hàng Eximbank Đà Lạt – VND	1.524.209	10.124.207
– Ngân hàng Ngoại Thương – CN Đà Lạt – VND	989.000	-
– Ngân hàng TM CP Sài Gòn Hà Nội	489.309	-
(c) Các khoản tương đương tiền	12.966.236.200	-
– Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	12.966.236.200	-
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	16.405.537.479	1.274.769.483

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn.

– Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Lâm Đồng	-	17.500.000.000
– Ngân hàng Thương mại CP Sài Gòn - CN Nhà Rong	-	1.091.915.300
– Ngân hàng Eximbank - CN Đà Lạt	14.531.960.256	16.400.000.000
– Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT – VND	830.000.000	-
– Ngân hàng Ngoại Thương - CN Đà Lạt	5.000.000.000	-
Cộng	20.361.960.256	34.991.915.300

3. Phải thu của khách hàng

– Trường Kỹ thuật Đà Lạt	352.045.779	352.045.779
– Trường THPT Thăng Long	206.567.606	206.567.606
– Ban QLDA Đầu tư & XD huyện Đức Trọng	-	646.956.000
– Ban QLDA Đầu tư & XD huyện Lâm Hà	7.000.000	71.054.000
– Khách hàng của Trung tâm Lữ hành Dalattoserco	118.681.545	148.703.405
– Nhà hàng Hoàng Lan (Nông Văn Cường)	31.374.707	19.189.094
– Nguyễn Thị Ngọc Lan	34.000.000	54.200.764
– Lê Quốc Huy	-	180.400.000
– Lê Văn Báo	19.851.626	69.325.638

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

	Số cuối năm	Số đầu năm
– Nguyễn Thị Xuân Sắc	144.102.859	-
– Phải thu khách hàng khác	659.411.653	1.615.421.288
Cộng	1.573.035.775	3.363.863.574

4. Trả trước cho người bán

– Đặt cọc tour	108.032.996	273.436.020
– Đền bù giải phóng mặt bằng	100.000.000	-
– Khách hàng khác	73.952.600	202.822.233
Cộng	281.985.596	476.258.253

5. Phải thu khác

– Văn phòng công ty	351.397.423	563.689.227
– Xí nghiệp Dịch vụ Xây dựng Du lịch	57.192.003	59.467.003
– Khách hàng của Trung Tâm Lữ hành Dalattoserco	63.910	54.919.984
– Bảo hiểm xã hội	7.756.112	3.129.140
– Phải thu khác	56.080.890	44.048.744
Cộng	472.490.338	725.254.098

6. Hàng tồn kho

– Nguyên liệu, vật liệu	86.158.342	50.321.282
– Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	601.657.593	621.509.468
– Hàng hóa	1.993.675	16.580.170
Cộng	689.809.610	688.410.920

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
– Công cụ dụng cụ	37.348.767	277.149.242	163.141.150	151.356.859
– Chi phí sửa chữa thường xuyên	13.819.653	88.097.909	68.994.076	32.923.486
– Chi phí thuê nhà	-	201.273.350	161.343.350	39.930.000
– Chi phí khác	30.788.628	437.033.981	386.734.623	81.087.986
Cộng	81.957.048	1.003.554.482	780.213.199	305.298.331

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

– Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	320.000.000
– Thuế giá trị gia tăng	303.976	-
Cộng	303.976	320.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tạm ứng</i>	200.108.915	219.985.867
- Đình Thị Thanh Hiền	34.009.577	25.809.577
- Vũ Văn Dũng	8.184.000	15.333.000
- Nguyễn Thị Liên	11.536.104	33.336.000
- Lê Quốc Bảo	60.530.300	55.530.300
- Nhân viên khác	85.848.934	89.976.990
Cộng	200.108.915	219.985.867

10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị Quản lý	Cây lâu năm	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	30.041.331.780	4.364.678.775	491.563.973	300.628.148	201.365.793	35.399.568.469
2. Số tăng trong năm	2.832.923.030	-	-	15.900.000	-	2.848.823.030
- Mua trong năm	-	-	-	15.900.000	-	15.900.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	2.744.923.030	-	-	-	-	2.744.923.031
- Tăng khác	88.000.000	-	-	-	-	88.000.000
3. Số giảm trong năm	20.000.000	-	64.000.000	32.863.636	-	116.863.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	64.000.000	32.863.636	-	96.863.636
- Giảm khác	20.000.000	-	-	-	-	20.000.000
4. Số cuối năm	32.854.254.810	4.364.678.775	427.563.973	283.664.512	201.365.793	38.131.527.863
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	10.487.661.716	2.002.917.938	369.588.295	174.538.097	49.086.944	13.083.792.990
2. Số tăng trong năm	1.661.573.346	318.025.554	36.709.025	30.794.295	8.225.280	2.055.327.500
- Khấu hao trong năm	1.661.573.346	318.025.554	36.709.025	30.794.295	8.225.280	2.055.327.500
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	1.333.332	-	64.000.000	17.527.266	-	82.860.598
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	64.000.000	17.527.266	-	81.527.266
- Giảm khác	1.333.332	-	-	-	-	1.333.332
4. Số cuối năm	12.147.901.730	2.320.943.492	342.297.320	187.805.126	57.312.224	15.056.259.892
III. Giá trị còn lại						
1. Số đầu năm	19.553.670.064	2.361.760.837	121.975.678	126.090.051	152.278.849	22.315.775.479
2. Số cuối năm	20.706.353.080	2.043.735.283	85.266.653	95.859.386	144.053.569	23.075.267.971

11. Tài sản cố định vô hình

5.250.115.000

Quyền sử dụng đất không thời hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công trình thác Cam Ly	734.872.238	263.525.275
- Công trình Khu du lịch thác Prenn	1.210.991.027	718.221.763
- Công trình Khách sạn Đà Lạt Plaza	16.878.973.713	9.425.516.258
- Quy hoạch dự án Khu du lịch thác Lilieng	139.940.773	6.340.455
- Quy hoạch dự án Khu du lịch thác Bobla	1.400.156.223	860.730.546
- Công trình nhà nghỉ Cây Nấm	-	75.000.000
- Cải tạo Khách Sạn Cẩm Đô	-	100.830.700
- Sửa chữa nhà vệ sinh, mương đường Prenn	-	140.434.500
- Bãi xe, cầu, sân Prenn	-	104.810.500
- Những công trình khác	125.953.663	249.655.001
Cộng	20.490.887.637	11.945.064.998

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	711.512.977	122.427.182	307.690.178	526.249.981
- Chi phí sửa chữa lớn	242.170.875	507.408.722	225.432.721	524.146.876
- Chi phí khác	9.166.986	10.283.150	8.059.993	11.390.143
Cộng	962.850.838	640.119.054	541.182.892	1.061.787.000

14. Tài sản dài hạn khác

- Ký quỹ lễ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
- Thuê máy photo	5.000.000	5.000.000
- Đặt cọc thuê nhà 27 Nguyễn Thái Bình	15.862.000	15.862.000
- Đặt cọc nhận khoán khách sạn Thủy Tiên	15.000.000	15.000.000
Cộng	285.862.000	285.862.000

15. Phải trả cho người bán

- Công ty CP Hải Vân Nam	5.220.000.000	-
- Công ty CP TV XD Lập TKKT	405.000.000	-
- Công ty XD Công Nghệ Thủy Lợi - Bobla	103.647.400	-
- Công ty CP Hồng Phúc	79.312.428	-
- Nguyễn Quốc Hào	50.132.358	111.992.330
- Đinh Thị Thanh Hiền	60.325.727	-
- Trương Thanh	56.774.228	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

	Số cuối năm	Số đầu năm
- DNTN XD Tấn Dũng	47.796.000	-
- Nguyễn Đức Nhật	33.072.840	73.437.179
- Nguyễn Xuân Võ	22.818.000	36.254.097
- Nguyễn Thế Sơn	22.865.323	22.865.323
- Khách hàng khác	878.916.516	389.797.800
Cộng	6.980.660.820	634.346.729

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I.	Thuế	(96.016.681)	1.906.402.094	1.510.010.550	300.374.863
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	195.255.510	884.043.280	1.073.510.549	5.788.241
2.	Thuế tiêu thụ đặc biệt	20.347.552	153.821.749	165.261.608	8.907.693
3.	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(320.000.000)	488.056.408	-	168.056.408
4.	Thuế tài nguyên	-	480.000	480.000	-
5.	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	338.079.755	230.000.000	108.079.755
6.	Các loại thuế khác	8.380.257	41.920.902	40.758.393	9.542.766
	- Thuế thu nhập cá nhân	8.380.257	26.920.902	25.758.393	9.542.766
	- Thuế khác	-	15.000.000	15.000.000	-
II.	Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
	Tổng cộng	(96.016.681)	1.906.402.094	1.510.010.550	300.374.863

(*) Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày trên chi tiêu thuế và các khoản phải thu nhà nước

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.

- Thuế suất áp dụng

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ : 10%

Tại điều 1 thông tư 13/2009/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 01 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm thuế giá trị gia tăng, Công ty được giảm 50% thuế giá trị gia tăng đối với cung cấp dịch vụ kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành trọn gói.

• **Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh massage, karaoke với thuế suất 30%.

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.13)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

- **Thuế nhà đất, tiền thuê đất**

Công ty nộp tiền thuê đất với diện tích đang sử dụng nhằm mục đích làm văn phòng và dịch vụ du lịch theo thông báo nộp tiền thuê hàng năm của chi cục thuế Tp. Đà Lạt.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

17. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lương phải trả cuối năm tài chính	311.039.898	1.049.608.810
- Quỹ lương dự phòng năm 2009	615.337.220	-
Cộng	926.377.118	1.049.608.810

18. Chi phí phải trả

- Văn phòng công ty	62.764.428	335.860.807
- Khách sạn Cẩm Đô	20.798.889	34.382.132
- Phải trả khác	37.917.691	22.444.029
Cộng	121.481.008	392.686.968

19. Phải trả phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	24.857.437	74.653.503
- Phải trả về cổ phần hóa	41.850.745	312.983.641
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	237.224.015	780.196.397
- Doanh thu chưa thực hiện	3.716.667	4.166.667
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.473.719.793	3.236.242.804
+ Dự án thác Prenn	2.236.000.000	2.236.000.000
+ Đặt cọc để mua cổ phiếu	2.125.548.388	-
+ TT Lữ Hành	188.050.827	146.318.561
+ Sở KHCN Lâm Đồng	40.000.000	40.000.000
+ XN Xây Dựng	71.968.000	73.268.000
+ Các khoản khác	812.152.578	740.656.243
Cộng	5.781.368.657	4.408.243.012

20. Phải trả dài hạn khác

5.132.697.199 4.567.234.999

Khoản nhận tiền ký quỹ mặt bằng của các hộ kinh doanh tại Thương xá Latulipe, Nhà hàng, Khách sạn và các khu du lịch khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Năm trước	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59.285.000.000	-	-	59.285.000.000
Vốn cổ phần	54.500.000.000	-	-	54.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	4.785.000.000	-	-	4.785.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1.357.121.152	5.431.476.887	2.113.447.509	4.675.150.530
Các quỹ	493.844.428	2.113.447.509	250.950.000	2.356.341.937
Quỹ đầu tư phát triển	622.952.088	1.527.912.912	-	2.150.865.000
Quỹ dự phòng tài chính	54.043.670	195.178.199	-	249.221.869
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(183.151.330)	390.356.398	250.950.000	(43.744.932)
TỔNG CỘNG	61.135.965.580	7.544.924.396	2.364.397.509	66.316.492.467

Năm nay	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59.285.000.000	-	-	59.285.000.000
Vốn cổ phần	54.500.000.000	-	-	54.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	4.785.000.000	-	-	4.785.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	4.675.150.530	4.984.521.700	1.340.318.180	8.319.354.050
Các quỹ	2.356.341.937	1.340.318.180	32.650.000	3.664.010.117
Quỹ đầu tư phát triển	2.150.865.000	697.223.441	-	2.848.088.441
Quỹ dự phòng tài chính	249.221.869	214.364.913	-	463.586.782
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(43.744.932)	428.729.826	32.650.000	352.334.894
TỔNG CỘNG	66.316.492.467	6.324.839.880	1.372.968.180	71.268.364.167

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận

Cổ tức

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo bổ sung này, Hội đồng quản trị Công ty đã công bố việc chia cổ tức năm 2007, 2008 bằng cổ phiếu theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2009 ngày 06 tháng 04 năm 2009. Tuy nhiên do Công ty chưa làm xong thủ tục phát hành chia cổ phiếu thưởng với UBCKNN nên khoản lợi nhuận để chia cổ tức này vẫn thể hiện trên chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối.

Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty cũng đã công bố việc chia cổ tức năm 2009 theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2010 ngày 29 tháng 01 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cổ phần	Giá trị
- Vốn góp của Nhà nước	561.000	5.610.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Tâm	763.500	7.635.000.000
- Ông Nguyễn Ngọc Chương	125.595	1.255.950.000
- Bà Trần Thị Thanh Hoa	112.160	1.121.600.000
- Ông Nguyễn Đức Mạnh	22.500	225.000.000
- Ông Vũ Văn Minh	78.015	780.150.000
- Ông Trần Huy Bảy	9.350	93.500.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	3.777.880	37.778.800.000
Cộng	5.450.000	54.500.000.000

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.450.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.450.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.450.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.450.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.450.000

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND*

Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	2.848.088.441	2.150.865.000
- Quỹ dự phòng tài chính	463.586.782	249.221.869
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	352.334.894	(43.744.932)
Cộng	3.664.010.117	2.356.341.937

Theo Điều lệ Công ty:

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Trong năm Công ty đã chi thưởng các ngày lễ tết cho nhân viên, chi hiếu hỉ và ủng hộ các cơ quan đoàn thể bằng quỹ này.

Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi theo Công văn số 499/TC/TCĐN ngày 16/01/2002 của Cục Tài chính Doanh nghiệp

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	32.331.364.146	49.312.974.576
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	1.776.237.257	350.975.399
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	30.556.693.409	46.079.868.909
- <i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	(1.566.520)	2.882.130.268
Các khoản giảm trừ	153.821.749	238.989.965
- <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	153.821.749	238.989.965
Doanh thu thuần	32.177.542.397	49.073.984.611

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa đã bán	1.142.615.005	369.319.037
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	3.383.195.854
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.138.996.381	37.953.208.983
Cộng	24.281.611.386	41.705.723.874

3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi (*)	2.074.622.409	4.755.828.360
- Lãi thu do nộp chậm tiền thuê mặt bằng	102.885.296	160.403.645
- Doanh thu khác	4.230.569	937.772
Cộng	2.181.738.274	4.917.169.777

(*) Chi tiết lãi tiền gửi xem phụ lục 01 đính kèm

4. Chi phí tài chính

- Lỗ bán ngoại tệ	-	38.047.609
- Chênh lệch tỷ giá	-	8.035.269
- Khác	1.311.610	38.322
Cộng	1.311.610	46.121.200

5. Chi phí quản lý

- Chi phí nhân viên	2.497.072.419	3.579.235.625
- Chi phí vật liệu bao bì	-	254.550
- Chi phí đồ dùng	108.235.431	136.769.265
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.007.954	194.824.048
- Thuế, phí, lệ phí	127.134.203	165.356.379
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.796.390	354.847.255
- Chi phí bằng tiền khác	1.636.963.405	2.655.666.967
Cộng	4.629.209.802	7.086.954.089

6. Thu nhập khác

- Thu từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	22.760.606	654.165.527
- Thu khác	46.816.958	210.731.425
Cộng	69.577.564	864.896.952

7. Chi phí khác

- Chi phí thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	34.003.038	504.317.731
- Chi phí khác	10.144.291	81.457.559
Cộng	44.147.329	585.775.290

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận trước thuế	5.472.578.108	
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	109.137.359	
+ <i>Chi phí kế toán</i>	109.137.359	
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	3.927.944	
+ <i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ</i>	3.927.944	
- Tổng thu nhập chịu thuế	5.577.787.523	
- Thuế suất	25%	
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.394.446.881	
- Chi phí thuế TNDN được giảm	906.390.473	
+ <i>Giảm 50%</i>	697.223.441	
+ <i>Giảm 30% theo TT13</i>	209.167.032	
- <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành dự tính phải nộp</i>	488.056.408	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Ngày 26 tháng 04 năm 2009, Đại hội đồng Cổ đông quyết định đổi niên độ kế toán của Công ty, do đó số liệu của tình hình hoạt động kinh doanh năm nay của công ty chỉ có 9 tháng.

Số liệu đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố theo Công văn số 903/UBCK-QLPH ngày 01 tháng 04 năm 2010 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Một số chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2008	Số liệu tại ngày 31/12/2008 (điều chỉnh hồi tố)	Chênh lệch
Phải trả, phải nộp khác	9.083.393.542	4.408.243.012	(4.675.150.530)
<i>Chi tiết: Cổ tức phải trả</i>	<i>4.675.150.530</i>	-	<i>(4.675.150.530)</i>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	4.675.150.530	4.675.150.530
Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 30/09/2009	Số liệu tại ngày 30/09/2009 (điều chỉnh hồi tố)	Chênh lệch
Phải trả, phải nộp khác	14.100.722.707	5.781.368.657	(8.319.354.050)
<i>Chi tiết: Cổ tức phải trả</i>	<i>8.319.354.050</i>	-	<i>(8.319.354.050)</i>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	8.319.354.050	8.319.354.050

2. Nghiệp vụ các bên có liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên có liên quan như sau:

- Lương và các khoản theo lương trong năm

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Số tiền</u>
- Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch	182.224.490
- Nguyễn Ngọc Chương	Phó Chủ tịch	182.633.277
- Trần Thị Thanh Hoa	Ủy viên	155.389.893
- Vũ Văn Minh	Ủy viên	87.385.999
<i>Cộng</i>		607.633.659

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

- Thù lao hội đồng quản trị trong năm

Họ và tên	Chức vụ	Số tiền
- Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch	35.888.557
- Nguyễn Ngọc Chương	Phó Chủ tịch	32.897.844
- Trần Thị Thanh Hoa	Ủy viên	26.916.417
- Vũ Văn Minh	Ủy viên	26.916.417
- Nguyễn Văn Phẩm	Ủy viên	26.916.417
Cộng		149.535.654

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	44,58	54,25
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	55,42	45,75
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	21,27	14,55
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	78,73	85,45
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,70	6,87
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,86	6,26
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,81	6,16
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	17,01	11,07
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	15,49	11,07
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,05	7,00
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5,51	7,00

Thành Phố Đà Lạt, ngày 06 tháng 04 năm 2010



NGUYỄN NGỌC CHƯƠNG
Giám đốc

Phat

NGUYỄN VINH BẢO
Quyền Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2009

Phụ lục số 01

THUYẾT MINH CHI TIẾT LÃI TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Số Hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất tháng	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Số tiền gửi	Lãi ghi nhận trong năm
79	6 tháng	0,79%	19/09/2008	19/03/2009	3.000.000.000	
79 tái tục	2 tháng	0,58%	19/03/2009	19/05/2009	3.000.000.000	
79 tái tục	2 tháng	0,62%	19/05/2009	19/07/2009	3.000.000.000	
79 tái tục	2 tháng	0,65%	19/07/2009	19/09/2009	3.000.000.000	174.514.167
80	6 tháng	0,79%	19/09/2008	19/03/2009	3.000.000.000	
80 tái tục	2 tháng	0,58%	19/03/2009	19/05/2009	3.000.000.000	
80 tái tục	2 tháng	0,62%	19/05/2009	19/07/2009	3.000.000.000	
80 tái tục	2 tháng	0,65%	19/07/2009	19/09/2009	3.000.000.000	174.514.167
81	6 tháng	0,79%	19/09/2008	19/03/2009	3.000.000.000	
81 tái tục	2 tháng	0,58%	19/03/2009	19/05/2009	3.000.000.000	
81 tái tục	2 tháng	0,62%	19/05/2009	19/07/2009	3.000.000.000	
81 tái tục	2 tháng	0,65%	19/07/2009	19/09/2009	3.000.000.000	174.514.167
82	6 tháng	0,79%	19/09/2008	19/03/2009	3.000.000.000	
82 tái tục	2 tháng	0,58%	19/03/2009	19/05/2009	3.000.000.000	
82 tái tục	2 tháng	0,62%	19/05/2009	19/07/2009	3.000.000.000	
82 tái tục	2 tháng	0,65%	19/07/2009	19/09/2009	3.000.000.000	174.514.167
83	6 tháng	0,79%	19/09/2008	19/03/2009	3.000.000.000	
83-tái tục	2 tháng	0,58%	19/03/2009	19/05/2009	3.000.000.000	
83 tái tục	2 tháng	0,62%	19/05/2009	19/07/2009	3.000.000.000	
83 tái tục	2 tháng	0,65%	19/07/2009	19/09/2009	3.000.000.000	174.514.167
09 tạo mới từ tiền lãi	2 tháng	0,58%	20/03/2009	19/05/2009	1.000.000.000	
09 tạo mới từ tiền lãi	4 tháng	0,61%	19/05/2009	19/09/2009	1.000.000.000	27.000.000
09 tạo mới từ tiền lãi	2 tháng	0,71%	19/09/2009	19/11/2009	1.000.000.000	2.361.111

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2009

Phụ lục số 01

Số Hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất tháng	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Số tiền gửi	Lãi ghi nhận trong năm
61(tái tục L1)	3 tháng	1,04%	18/11/2008	18/02/2009	1.000.000.000	22.430.555
93	3 tháng	1,46%	07/10/2008	07/01/2009	1.500.000.000	5.104.166
61(tái tục L2)	1 tháng	0,53%	18/02/2009	18/03/2009	1.000.000.000	4.900.000
61(tái tục L3)	1 tháng	0,54%	18/03/2009	18/04/2009	1.000.000.000	10.663.885
TK 54006300000808	1 tháng	0,59%	22/04/2009	21/05/2009	1.000.000.000	6.233.300
TK 54006300000872	1 tháng	0,62%	16/06/2009	16/07/2009	1.000.000.000	6.200.000
TK 54006300000872 tái tục	1 tháng	0,66%	16/07/2009	16/08/2009	1.000.000.000	6.200.000
TK 54006300000872	1 tháng 13 ngày	0,66%	16/08/2009	29/09/2009	1.000.000.000	7.750.000
TK54006300000895	6 tháng	0,68%	07/07/2009	07/01/2010	830.000.000	16.060.500
TK54006300000980	2 tháng	0,71%	29/09/2009	29/11/2009	810.000.000	382.500
10-13	3 tháng	0,93%	17/12/2008	17/03/2009	8.000.000.000	
10-13 tái tục HĐ 32-35	3 tháng	0,63%	17/03/2009	16/06/2009	8.224.000.000	
10-13 tái tục HĐ 32-35	3 tháng	0,63%	17/06/2009	16/09/2009	8.383.308.016	523.793.962
HĐ 02-09	1 tháng	0,86%	17/12/2008	17/01/2009	8.400.000.000	39.191.960
02-09 tái tục HĐ 03-07	1 tháng	0,63%	17/01/2009	17/02/2009	5.044.345.500	32.925.565
02-09 tái tục HĐ 03-07	1 tháng	0,59%	17/02/2009	17/03/2009	5.077.271.065	28.037.820
03-07 tái tục HĐ 27-31	3 tháng	0,63%	17/03/2009	16/06/2009	5.105.308.885	
03-07 tái tục HĐ 27-31	3 tháng	0,63%	17/06/2009	16/09/2009	5.204.204.390	209.282.465
HĐ 14	1 tháng	0,59%	04/02/2009	04/03/2009	1.000.000.000	5.474.933
HĐ 14 tái tục HĐ26	1 tháng	0,62%	04/03/2009	04/04/2009	1.005.474.933	
HĐ 26 tái tục HĐ36	3 tháng	0,63%	07/04/2009	06/07/2009	1.012.559.062	26.485.323
HĐ 36 tái tục HĐ 46	3 tháng	0,69%	07/07/2009	07/10/2009	1.031.960.256	20.461.479
HĐ 47 thanh lý 9/9/09	3 tháng	0,73%	13/08/2009	12/11/2009	1.000.000.000	4.950.000
HĐ 48	3 tháng	0,76%	17/09/2009	16/12/2009	1.500.000.000	5.308.333
HĐ 49-52	3 tháng	0,76%	17/09/2009	16/12/2009	8.000.000.000	28.311.111

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2009

Phụ lục số 01

Số Hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất tháng	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Số tiền gửi	Lãi ghi nhận trong năm
HD 53-56	3 tháng	0,76%	17/09/2009	16/12/2009	4.000.000.000	14.155.556
HD 0561003864595	3 tháng	0,74%	23/09/2009	23/12/2009	5.000.000.000	9.888.889
0001VND-TV/160SHB	2 tháng	0,76%	21/09/2009	21/11/2009	10.000.000.000	25.277.778
HD số 09(-tái tục)	3 tháng	0,98%	13/11/2008	13/02/2009	1.091.915.300	
HD số 09(-tái tục)	2 tháng	0,63%	13/02/2009	13/04/2009	1.113.389.600	15.032.000
HD số 09(-tái tục)	2 tháng	0,61%	13/04/2009	13/06/2009	1.127.492.500	27.820.700
HD số 09(-tái tục)	2 tháng	0,66%	13/06/2009	13/08/2009	1.141.210.300	15.025.900
HD số 09(-tái tục)	2 tháng	0,69%	13/08/2009	13/10/2009	1.156.236.200	12.795.681
Tài khoản thanh toán						42.546.103
Cộng					165.758.676.007	2.074.622.409